

Bài 41 PHÉP CHIA (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết khái niệm ban đầu về phép chia; đọc, viết phép chia.
- Biết từ phép nhân viết được hai phép chia tương ứng, từ đó tính được một số phép chia đơn giản dựa vào phép nhân tương ứng.
- Vận dụng giải một số bài tập về phép nhân, chia với số đo đại lượng, giải bài toán thực tế liên quan đến phép nhân, phép chia.

Phát triển năng lực

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới, giải các bài toán thực tế có lời văn, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

Tùy điều kiện, GV có thể chuẩn bị một số hình ảnh phóng to trong SGK.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

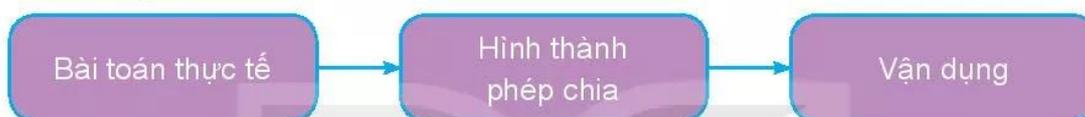
Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Phép chia

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ở phần khám phá, từ bài toán thực tế để hình thành phép chia (ở phần a là phép chia theo thành phần, ở phần b là phép chia theo nhóm), HS nắm được nhận xét: “Từ phép nhân $3 \times 2 = 6$ suy ra hai phép chia tương ứng là $6 : 3 = 2$ và $6 : 2 = 3$ ”; vận dụng tính được phép chia đơn giản dựa vào phép nhân.

1. Khám phá

– Cách tiếp cận:



a) GV giúp HS từ bài toán hiểu rõ yêu cầu bài toán: “Chia đều 6 quả cam vào 3 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có mấy quả cam?”. GV nêu cách chia: “Lần lượt cho vào mỗi đĩa 1 quả”, rồi dẫn ra phép chia “ $6 : 3 = 2$ ”, đọc là “sáu chia ba bằng hai”, dấu “:” là dấu chia.

b) GV hướng dẫn tương tự phần a, phân tích yêu cầu bài toán: “Chia 6 quả cam vào các đĩa, mỗi đĩa 2 quả. Hỏi được mấy đĩa như vậy?”. GV nêu cách chia: “Lần lượt cho 2 quả cam vào mỗi đĩa, được 3 đĩa như vậy”, rồi dẫn ra phép chia “ $6 : 2 = 3$ ”, đọc là “sáu chia hai bằng ba”.

c) GV nêu nhận xét: Từ phép nhân $2 \times 3 = 6$ ta có hai phép chia tương ứng là $6 : 3 = 2$ và $6 : 2 = 3$.

– Ở phần a, có thể hiểu “chia đều 6 quả cam thành 3 phần, mỗi phần 2 quả” (ta thường gọi là phép chia theo thành phần), tức là đi tìm số quả ở mỗi phần bằng nhau.

– Ở phần b có thể hiểu “chia 6 quả ra các nhóm, mỗi nhóm 2 quả, được 3 nhóm như vậy” (ta thường gọi là phép chia theo nhóm), tức là đi tìm số nhóm khi biết số quả ở mỗi nhóm.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu củng cố ý nghĩa phép nhân và phép chia (chia theo thành phần, chia theo nhóm), quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

GV có thể cho HS nhận biết:

- Từ bài toán thứ nhất dẫn ra phép nhân $5 \times 3 = 15$ (nổi mẫu);
- Từ bài toán thứ hai (chia theo nhóm) dẫn ra phép chia $15 : 5 = 3$;
- Từ bài toán thứ ba (chia theo thành phần) dẫn ra phép chia $15 : 3 = 5$.

Bài 2: Yêu cầu HS viết được hai phép chia tương ứng với phép nhân đã cho (theo mẫu).

Chẳng hạn: b) $2 \times 7 = 14 \rightarrow 14 : 2 = 7$ và $14 : 7 = 2$;

c) $5 \times 8 = 40 \rightarrow 40 : 5 = 8$ và $40 : 8 = 5$;

d) $5 \times 3 = 15 \rightarrow 15 : 5 = 3$ và $15 : 3 = 5$.

Đây cũng là gợi ý để tìm kết quả một số phép chia đơn giản. Chẳng hạn: Ta đã biết $2 \times 8 = 16$, vậy $16 : 2 = 8, \dots$

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố ý nghĩa phép chia, tính phép chia từ phép nhân tương ứng; thực hiện phép nhân, phép chia với số đo đại lượng; vận dụng vào giải bài toán thực tế (có lời văn) liên quan tới phép chia.

Bài 1:

- Câu a: Yêu cầu HS tính nhẩm các phép nhân (dựa vào bảng nhân 2, bảng nhân 5), rồi nêu, viết kết quả vào ô có dấu “?” trong bảng.
- Câu b: Yêu cầu HS dựa vào bảng nhân ở câu a để thực hiện các phép chia, rồi nêu, viết kết quả vào ô có dấu “?” trong bảng.

Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện phép nhân, phép chia với số đo đại lượng (theo mẫu).
Chẳng hạn:

a) $2 \text{ cm} \times 5 = 10 \text{ cm};$ b) $2 \text{ kg} \times 3 = 6 \text{ kg};$ c) $2 \text{ l} \times 4 = 8 \text{ l};$
 $10 \text{ cm} : 5 = 2 \text{ cm};$ $6 \text{ kg} : 3 = 2 \text{ kg};$ $8 \text{ l} : 4 = 2 \text{ l}.$

Bài 3: Yêu cầu củng cố ý nghĩa phép chia (chia thành các phần bằng nhau), HS viết được phép chia ứng với mỗi câu a, b, c rồi trả lời xem mỗi bạn sóc được bao nhiêu hạt dẻ.

Các phép chia ở các câu a, b, c đều đã được học trước đó. Tuy nhiên, GV có thể củng cố lại, chẳng hạn: Có $5 \times 4 = 20 \rightarrow 20 : 5 = 4$ và $20 : 4 = 5$ hoặc $2 \times 10 = 20 \rightarrow 20 : 2 = 10$.

Bài 4: Yêu cầu giải bài toán có lời văn. HS cần phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

Bài giải

Số túi gạo có là:

$20 : 5 = 4$ (túi)

Đáp số: 4 túi gạo.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).